

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2025-2026)

A: 24
H: 01

Cán bộ coi thi 1: [Signature]
Cán bộ coi thi 2: [Signature]
G. Viên chấm thi 1 Môn Viết: [Signature]
G. Viên chấm thi 2 Môn Viết: [Signature]
G. Viên chấm thi 1 Môn Văn đáp: [Signature]
G. Viên chấm thi 2 Môn Văn đáp: [Signature]

Môn học: Anh văn 1 (22400301)

- Thi Viết:

Ngày thi: 04/05/2026

Giờ thi: 9g45

Phòng thi: B208

Số SV có mặt: 25

Số bài thi: 25

Số tờ giấy thi: 25

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 07/05/2026

Giờ thi: 14h45

Phòng thi: D6-32

Số SV có mặt: 24

Số bài thi: 24

Số tờ giấy thi: 24

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
1	2122050122	Nguyễn Chi	An	15/11/2004	CCQ2205D	1959	An	5,1	An	3,0	4,1	6,3	5,0	
2	2123230005	Mai Ngô Kỳ	Anh	13/03/2005	CCQ2323A	1960	Anh	8,4	Anh	8,0	8,2	8,8	8,4	
3	2122170279	Phan Võ	Bảo	21/10/2004	CCQ2217G							0		
4	2123260130	Đỗ Thị An	Bình	04/05/2005	CCQ2326D	1961	An	6,3			0,0	6,2	2,5	
5	2123150034	Nguyễn Văn	Cánh	11/04/2005	CCQ2315A	1962	Cánh	7,4	Cánh	5,1	6,3	7,5	6,8	
6	2122170550	Nguyễn Bá	Đạt	16/09/2004	CCQ2217N	1960	Đạt	4,7	Đạt	7,6	6,2	6	6,1	
7	2122220025	Nguyễn Quốc	Đạt	28/01/2004	CCQ2222A	1959	Đạt	7,3	Đạt	5,8	6,6	7,1	6,8	
8	2122270102	Vũ Bá	Đạt	22/05/2003	CCQ2227D							0,3		
9	2123180090	Nguyễn Văn	Đường	03/03/2005	CCQ2318C	1961	Đường	7,2	Đường	7,6	7,4	10	8,4	
10	2122170553	Mai Thành	Duy	26/10/2004	CCQ2217N	1960	Duy	6,3	Duy	8,4	7,4	7,6	7,5	
11	2122120279	Nguyễn Lê Thanh	Hà	09/03/2004	CCQ2212I	1959	Hà	8,1	Hà	7,0	7,6	7,6	7,6	(1959) P
12	2122050120	Phạm Thanh	Hải	25/01/2004	CCQ2205A	1962	Hải	5,1	Hải	6,3	5,7	5,1	5,5	
13	2122270152	Nguyễn Huỳnh Ngọc	Hân	21/10/2004	CCQ2227E	1961	Ngọc	5,7	Ngọc	4,3	5,0	5,7	5,3	
14	2123230016	Nguyễn Văn	Hạnh	06/05/2004	CCQ2323A	1960	Hạnh	5,6	Hạnh	6,4	6,0	7,3	6,5	
15	2123150050	Phạm Ngọc	Hiền	14/03/2005	CCQ2315B	1959	Hiền	4,6	Hiền	6,7	5,7	7,2	6,3	
16	2123210148	Chu Thị Hồng	Huệ	09/08/2005	CCQ2321D							0		
17	2123260167	Phạm Văn	Hưng	30/05/2005	CCQ2326E	1961	Hưng	5,2	Hưng	5,2	5,2	7,4	6,1	

04/05/2026

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2025-2026)

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G. Viên chấm thi
Môn Viết

G. Viên chấm thi
Môn Viết

G. Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

G. Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

Môn học: Anh văn 1 (22400301)

- Thi Viết:

Ngày thi: 04/05/2026

Giờ thi: 9g45

Phòng thi: B208

Số SV có mặt: 25

Số bài thi: 25

Số tờ giấy thi: 25

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 07/11/2026

Giờ thi: 14h45

Phòng thi: D6-32

Số SV có mặt: 24

Số bài thi: 24

Số tờ giấy thi: 24

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
18	2123200396	Trần Văn	Hùng	29/08/2005	CCQ2320E	1960	<i>[Signature]</i>	6,3	<i>[Signature]</i>	4,6	5,5	7,3	6,2	
19	2122030089	Phạm Gia	Huy	17/05/2004	CCQ2203C	1959	<i>[Signature]</i>	4,1	<i>[Signature]</i>	6,0	5,1	6,2	5,5	
20	2122170541	Phạm Quang	Huy	10/10/2004	CCQ2217N	1962	<i>[Signature]</i>	4,1	<i>[Signature]</i>	4,3	4,2	6,2	5,0	
21	2122030189	Trần Minh	Kết	25/10/2003	CCQ2203F	1961	<i>[Signature]</i>	6,1	<i>[Signature]</i>	3,7	4,9	4,9	4,9	
22	2123210142	Trần Thanh	Khoa	19/11/2005	CCQ2321D							1		
23	2123200702	Lưu Ngọc	Khuê	08/11/2005	CCQ2320G	1962	<i>[Signature]</i>	4,4	<i>[Signature]</i>	3,3	3,9	7,1	5,2	
24	2123180080	Nguyễn Phước	Lên	13/03/2005	CCQ2318C	1961	<i>[Signature]</i>	4,3	<i>[Signature]</i>	5,9	5,1	6,9	5,8	
25	2123200164	Dương Thị Thuý	Linh	16/08/2005	CCQ2320B	1960	<i>[Signature]</i>	5,3	<i>[Signature]</i>	5,8	5,6	8,3	6,7	
26	2123120404	Thuận Nữ Lan	Linh	29/10/2005	CCQ2312H	1959	<i>[Signature]</i>	8,8	<i>[Signature]</i>	8,0	8,4	7,8	8,2	
27	2123150037	Trần Hoài	Linh	13/09/2005	CCQ2315A	1962	<i>[Signature]</i>	7,1	<i>[Signature]</i>	6,1	6,6	6,8	6,7	
28	2123150021	Nguyễn Thành	Lộc	08/05/2003	CCQ2315A							0		
29	2122170387	Võ Xuân	Minh	05/08/2004	CCQ2205D	1959	<i>[Signature]</i>	7,2	<i>[Signature]</i>	6,3	6,8	3,7	5,6	
30	2122070002	Thái Thị Kim	Ngân	17/06/2004	CCQ2207A	1962	<i>[Signature]</i>	6,0	<i>[Signature]</i>	8,4	7,2	8,9	7,9	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI
Học kỳ 2 (2025-2026)

Cán bộ coi thi 1: *Nguyễn Văn Tuấn*
Cán bộ coi thi 2: *Nguyễn Văn Tuấn*

G. Viên chấm thi 1: *Nguyễn Văn Tuấn*
Môn Văn đáp: *Nguyễn Văn Tuấn*

G. Viên chấm thi 2: *Nguyễn Văn Tuấn*
Môn Viết: *Nguyễn Văn Tuấn*

G. Viên chấm thi 1: *Nguyễn Văn Tuấn*
Môn Văn đáp: *Nguyễn Văn Tuấn*

G. Viên chấm thi 2: *Nguyễn Văn Tuấn*
Môn Viết: *Nguyễn Văn Tuấn*

Môn học: Anh văn 1 (22400301)

- Thi Viết:
Ngày thi: 04/05/2026
Giờ thi: 9g45
Phòng thi: B209

- Thi Văn đáp:
Ngày thi: 07/05/2026
Giờ thi: 14g45
Phòng thi: B6-32

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HTP	Ghi chú
						Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
1	2122190128	Nguyễn Phạm Thái	07/07/2004	CCQ2219D	1961	<i>Nguyễn Văn Tuấn</i>	4,5	<i>Nguyễn Văn Tuấn</i>	5,0	4,8	7,1	5,7	
2	2123200336	Phan Thị Anh	27/02/2005	CCQ2320D	1962	<i>Nguyễn Văn Tuấn</i>	4,4	<i>Nguyễn Văn Tuấn</i>	5,9	5,2	6,9	5,9	
3	2123050143	Cao Lâm Triều	19/01/2004	CCQ2305D	1963	<i>Nguyễn Văn Tuấn</i>	5,3	<i>Nguyễn Văn Tuấn</i>	6,4	5,9	5,9	5,9	
4	2122110069	Đinh Lê	26/04/2004	CCQ2211B	1960	<i>Nguyễn Văn Tuấn</i>	5,1	<i>Nguyễn Văn Tuấn</i>	7,4	6,3	6,9	6,5	
5	2122140041	Phạm Văn	03/12/2004	CCQ2214B	1961	<i>Nguyễn Văn Tuấn</i>	6,7	<i>Nguyễn Văn Tuấn</i>	8,0	7,4	10	8,4	
6	2122150037	Đỗ Thế	01/01/2004	CCQ2215B	1962	<i>Nguyễn Văn Tuấn</i>	3,7	<i>Nguyễn Văn Tuấn</i>	6,5	5,1	6,3	5,6	
7	2123170080	Phạm Minh	26/03/2005	CCQ2317C	1959	<i>Nguyễn Văn Tuấn</i>	4,4	<i>Nguyễn Văn Tuấn</i>	6,1	5,3	8,8	6,7	
8	2123270129	Đỗ Trọng	05/04/2004	CCQ2327D	1960	<i>Nguyễn Văn Tuấn</i>	5,2	<i>Nguyễn Văn Tuấn</i>	7,7	6,5	5,8	6,2	
9	2123170238	Nguyễn Dắc	05/06/2005	CCQ2317G	1961	<i>Nguyễn Văn Tuấn</i>	4,2	<i>Nguyễn Văn Tuấn</i>	7,5	5,9	8,9	7,1	
10	2123260049	Trần Thị Thu	24/04/2005	CCQ2326B	1962	<i>Nguyễn Văn Tuấn</i>	5,9	<i>Nguyễn Văn Tuấn</i>	6,5	6,2	7,3	6,6	
11	2122170703	Trần Hoài	25/07/2003	CCQ2217K							0		
12	2123120194	Phan Tấn	02/08/2004	CCQ2312D	1959	<i>Nguyễn Văn Tuấn</i>	7,1	<i>Nguyễn Văn Tuấn</i>	7,0	7,1	6,6	6,9	
13	2123200165	Đặng Thị Thanh	27/03/2005	CCQ2320B	1960	<i>Nguyễn Văn Tuấn</i>	5,7	<i>Nguyễn Văn Tuấn</i>	5,3	5,5	7,5	6,3	
14	2122030133	Lê Nhật	25/12/2004	CCQ2203H	1961	<i>Nguyễn Văn Tuấn</i>	6,1	<i>Nguyễn Văn Tuấn</i>	7,9	7,0	8,4	7,6	
15	2123060192	Nguyễn Duy	03/05/2004	CCQ2306A	1962	<i>Nguyễn Văn Tuấn</i>	4,9	<i>Nguyễn Văn Tuấn</i>	4,5	4,7	7,5	5,8	
16	2123200539	Hồ Thị Anh	11/10/2005	CCQ2320F	1959	<i>Nguyễn Văn Tuấn</i>	5,4	<i>Nguyễn Văn Tuấn</i>	8,0	6,7	8,6	7,5	
17	2123120119	Phan Hữu	25/10/2004	CCQ2312C	1960	<i>Nguyễn Văn Tuấn</i>	4,8	<i>Nguyễn Văn Tuấn</i>	2,7	3,8	5,2	4,4	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2025-2026)

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G. Viên chấm thi 1
Môn Viết

G. Viên chấm thi 2
Môn Viết

G. Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

G. Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

Môn học: Anh văn 1 (22400301)

- Thi Viết:

Ngày thi: 04/05/2026

Giờ thi: 9g45

Phòng thi: B209

Số SV có mặt: 27

Số bài thi: 27

Số tờ giấy thi: 27

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 07/05/2026

Giờ thi: 14h45

Phòng thi: D6-32

Số SV có mặt: 27

Số bài thi: 27

Số tờ giấy thi: 27

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
18	2123200200	Hồ Nguyễn Bảo	Trần	10/03/2005	CCQ2320C	1961	Trần	4,6	Trần	5,9	5,3	6,6	5,8	
19	2123260028	Trần Tổ	Trình	11/09/2005	CCQ2326A	1962	Trần	6,5	Trần	6,2	6,4	8,5	7,2	
20	2123180004	Nguyễn Sĩ	Trung	03/03/2005	CCQ2318A	1959	Trung	5,1	Trung	6,1	5,6	7,8	6,5	
21	2123170452	Lê Văn	Tuấn	18/11/2005	CCQ2317I	1960	Tuấn	6,7	Tuấn	6,1	6,4	6,7	6,5	
22	2122170056	Nguyễn Tấn	Tuấn	07/09/2004	CCQ2217B							0		
23	2123260018	Văn Thị Thanh	Uyển	17/03/2003	CCQ2326A	1961	Uyển	5,6	Uyển	7,9	6,8	9,2	7,8	
24	2123260153	Trần Thị Cẩm	Vân	19/06/2005	CCQ2326B	1962	Vân	4,7	Vân	6,3	5,5	6,9	6,1	
25	2123110288	Nguyễn Anh	Việt	17/10/2005	CCQ2311I	1959	Việt	7,3	Việt	6,5	6,9	8,4	7,5	
26	2123030118	Phạm Quốc	Việt	04/02/2005	CCQ2303D	1960	Việt	5,8	Việt	6,5	6,2	9,3	7,4	
27	2122170498	Trần Phạm Quốc	Việt	01/03/2004	CCQ2217M							0		
28	2123270111	Đàng Quang	Vinh	23/12/2004	CCQ2327B	1961	Vinh	4,1	Vinh	2,4	3,3	5,1	4,0	
29	2122110207	Nguyễn Tri Tuấn	Vũ	14/03/2004	CCQ2205B	1962	Tri Tuấn	5,5	Tri Tuấn	4,6	5,1	8,1	6,3	
30	2122190064	Nguyễn Lương Thanh	Vy	03/10/2004	CCQ2219B	1959	Vy	4,9	Vy	6,9	5,9	6,5	6,1	